

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/DS-PT

Ngày: 27/8/2025

*V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán:

Ông **Phùng Anh Dũng**

Ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng** – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2025/TBTL-TA ngày 23/6/2025 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 509/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Mai Thị X**, sinh năm 1945; địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là xã Đ, tỉnh Gia Lai)**; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Mạnh Đ**; địa chỉ: **A H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là xã C, tỉnh Gia Lai)**; vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Mai Xanh N** và bà **Nguyễn Thị C1**; địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là xã Đ, tỉnh Gia Lai)**; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Mai Văn H** và bà **Nguyễn Thị Hoa H1**; địa chỉ: **thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là xã Đ, tỉnh Gia Lai)**; vắng mặt.

+ Ông Mai Văn Q và bà Hoàng Thị Mỹ T; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, Tỉnh Gia Lai (nay là xã Đ, tỉnh Gia Lai); vắng mặt.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh G); vắng mặt.

+ UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là xã Đ, tỉnh Gia Lai kế thừa quyền và nghĩa vụ); vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Mai Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là bà Mai Thị X và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Mạnh Đ trình bày:

Trước đây, cha mẹ bà là ông Mai Thành D và bà Võ Thị H2 có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Mạnh T1 một cái nhà, sau đó thì cha mẹ bà cho bà và bà đã đi làm giấy tờ đất và ngày 19/01/1972, bà đã được chế độ Việt Nam Cộng Hòa cấp chứng thư cấp quyền sở hữu thửa đất số CCSIV, tờ thứ 105, diện tích khoảng 400m². Sau này được cán bộ địa chính đo đạc lại thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 13, diện tích 559m², địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngày 11/5/2005, không biết vì lý do nào mà ông Mai Xanh N và bà Nguyễn Thị C1 được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 975087, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 13, diện tích 559m², trong đó có 400m² đất ở, 159m² đất trồng cây lâu năm. Ngày 31/07/2018, ông Mai Xanh N và bà Nguyễn Thị C1 tiếp tục chuyển nhượng trái phép thửa đất nói trên của tôi cho ông Mai Văn H, và bà Nguyễn Thị Hoa H1 với diện tích 279,5m² trong đó có 200m² đất ở, 79,5m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số: 1227, tờ bản đồ số 13 ngày 03/08/2018, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh G cấp GCNQSDĐ số: CN 930438; Và chuyển cho ông Mai Văn Q, và bà Hoàng Thị Mỹ T với diện tích 279,5m² trong đó có 200m² đất ở, 79,5m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số: 1228, tờ bản đồ số: 13, ngày 25/12/2019, được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh G cấp GCNQSDĐ số: CP 925902.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy GCNQSDĐ số AB 975087, được UBND Đăk Pơ cấp GCNQSDĐ vào ngày 11/05/2005, thửa đất số 26, tờ bản đồ 13, diện tích 559 m² trong đó có 400m² đất ở, 159m² đất trồng cây lâu năm mang tên ông Mai Xanh N, và bà Nguyễn Thị C1.

- Hủy GCNQSDĐ số: CN 930438, ngày 3/8/2018, được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh G cấp GCNQSDĐ diện tích 279.5 m² trong đó có 200m² đất ở, 79, 5m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số: 1227, tờ bản đồ số: 13 mang tên ông Mai Văn H, bà Nguyễn Thị Hoa H1.

- Hủy GCNQSDĐ số: CN 925902, ngày 25/12/2019, được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh G cấp GCNQSDĐ diện tích 279,5m² trong đó có 200m² đất ở,

79,5m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số: 1228, tờ bản đồ số: 13 mang tên ông **Mai Văn Q**, và bà **Hoàng Thị Mỹ T**.

- Buộc vợ chồng ông **Mai Xanh N**, và bà **Nguyễn Thị C1** trả lại thửa đất số: 26, tờ bản đồ số: 13, diện tích 559m² cho nguyên đơn.

Bị đơn là ông Mai Xanh N và bà Nguyễn Thị C1 trình bày:

Năm 1982 cha ông **N** là ông **Mai Xuân L** được **Hợp tác xã N4** cấp theo diện tích đất thổ cư. Đến năm 1985 ông **N** cưới vợ thì cha ông cho ông để làm nhà ở riêng. Từ năm 1985 đến năm 2005 thì ông được nhà nước công nhận và cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất đó cho ông. Đến năm 2018, ông chuyển nhượng lại thửa đất đó cho hai em của ông là **Mai Văn H** và **Mai Văn Q**. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Xê

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Mai Văn H và bà Nguyễn Thị Hoa H1 trình bày:

Năm 2018 chúng tôi nhận chuyển nhượng từ ông **Mai Xanh N** thửa đất số 1227 (tách từ thửa số 26), tờ bản đồ số 13, diện tích 279,5m². Khi nhận chuyển nhượng thì ông **Mai Xanh N** đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất không bị tranh chấp nên việc nhận chuyển nhượng của chúng tôi là hợp pháp. Sau khi nhận chuyển nhượng thì chúng tôi đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 930438 ngày 3/8/2018. Chúng tôi sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Việc bà **X** khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chúng tôi không đồng ý và đề nghị Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chúng tôi. Chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Mai Văn Q và bà Hoàng Thị Mỹ T trình bày:

Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà **Mai Thị X** vì thửa đất 1228, tờ bản đồ số 13, diện tích 279,5m² do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng hợp pháp từ ông **Mai Xanh N** và bà **Nguyễn Thị C1** vào năm 2018 và đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 925902 ngày 25/12/2019.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện Đ do ông A Đỗ Bình N2 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 975087, do **UBND huyện Đ** ký ngày 11/5/2005 đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 13, diện tích 559m², trong đó: đất ở 400m², đất trồng cây lâu năm 159m², tại **thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai**, cấp cho ông **Mai Xanh N** và bà **Nguyễn Thị C1**, cư trú tại **thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai**: **UBND huyện Đ** đã gửi Công văn số 1424/UBND-TNMT ngày 12/8/2022 đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về việc có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Mai Thị X**; cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 930438 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G** cấp ngày 03/8/2018 cho ông **Mai Văn H**, bà

Nguyễn Thị Hoa H1 đối với thửa đất số 1227, tờ bản đồ số 13 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 925902 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G** cấp ngày 25/12/2019 cho ông **Mai Văn Q**, bà **Hoàng Thị Mỹ T** đối với thửa đất số 1228, tờ bản đồ số 13: Việc cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thuộc thẩm quyền của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G** nên **UBND huyện Đ** không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Sở T do ông Trần Hoài N3 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Ngày 11/5/2005, ông **Mai Xanh N** và bà **Nguyễn Thị C1** được **UBND huyện Đ** cấp Giấy chứng nhận số AB 975087, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 13, diện tích 559m² (400m² đất ở, 159m² đất trồng cây lâu năm).

- Ngày 13/7/2018, ông **Mai Xanh N** và bà **Nguyễn Thị C1** chuyển nhượng một phần thửa đất cho ông **Mai Văn H**, bà **Nguyễn Thị Hoa H1** theo Giấy chứng nhận số AB 975087 gồm 279,5m² (200m² đất ở + 79.5m² đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 1227 (tách từ thửa 26), tờ bản đồ số 13 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 429, quyền số 01/2018-SCT/HĐGD được **UBND xã T** chứng thực. Sau khi chủ sử dụng đất thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, ngày 31/7/2018, Chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ** chỉnh lý chuyển nhượng cho ông **Mai Văn H** và bà **Nguyễn Thị Hoa H1** trên Giấy chứng nhận số AB 975087.

- Ngày 03/8/2018, ông **Mai Văn H** và bà **Nguyễn Thị Hoa H1** được **Sở T** cấp Giấy chứng nhận số CN 930438, thửa đất số 1227, tờ bản đồ số 13, diện tích 279,5m² (200m² đất ở + 79.5m² đất trồng cây lâu năm).

- Ngày 13/7/2018, ông **Mai Xanh N** và bà **Nguyễn Thị C1** chuyển nhượng một phần thửa đất cho ông **Mai Văn Q**, bà **Hoàng Thị Mỹ T** theo Giấy chứng nhận số AB 975087 gồm 279.5m² (200m² đất ở + 79,5m² đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 1228 (tách từ thửa 26), tờ bản đồ số 13 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 430, quyền số 01/2018-SCT/HĐGD được **UBND xã T** chứng thực. Sau khi chủ sử dụng đất thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, ngày 31/7/2018, Chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ** chỉnh lý chuyển nhượng cho ông **Mai Văn Q**, bà **Hoàng Thị Mỹ T** trên Giấy chứng nhận số AB 975087.

- Ngày 03/8/2018, ông **Mai Văn Q**, bà **Hoàng Thị Mỹ T** được **Sở T** cấp Giấy chứng CN 930439, thửa đất số 1228, tờ bản đồ số 13, diện tích 279.5m² (200m² đất ở + 79.5m² đất trồng cây lâu năm).

- Sau đó, ông **Mai Văn Q**, bà **Hoàng Thị Mỹ T** thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận, ngày 25/12/2019, ông **Q**, bà **T** được **Sở T** cấp Giấy chứng nhận số CP 925902 thửa đất số 1228, tờ bản đồ số 13, diện tích 279,5m² (200m² đất ở + 79,5m² đất trồng cây lâu năm).

- **Sở Tài nguyên và Môi trường** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 930438 ngày 03/8/2018 cho ông **Mai Văn H**, bà **Nguyễn Thị Hoa H1** được thực hiện theo quy định:

+ Thành phần hồ sơ: Khoản 2, Điều 9 của Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của **Bộ T3**.

+ Điều kiện cấp GCN: Điểm c, Khoản 1, Điều 99 Luật Đất đai 2013.

+ Trình tự thực hiện: Khoản 1, Khoản 2, Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ .

Từ các căn cứ trên, **Sở T** cấp Giấy chứng nhận số CN 930438 ngày 03/8/2018 cho ông **Mai Văn H**, bà **Nguyễn Thị Hoa H1** là phù hợp.

- Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 925902 ngày 25/12/2019 cho ông **Mai Văn Q**, bà **Hoàng Thị Mỹ T** được thực hiện theo quy định:

+ Thành phần hồ sơ: Khoản 2, Điều 9 của Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của **Bộ T3**.

+ Điều kiện cấp GCN: Điểm k, Khoản 1, Điều 99 Luật Đất đai 2013; Điểm a, Khoản 1, Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ.

+ Trình tự thực hiện: Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ.

Từ các căn cứ trên, **Sở T** cấp Giấy chứng nhận số CP 925902 ngày 25/12/2019 cho ông **Mai Văn Q**, bà **Hoàng Thị Mỹ T** là phù hợp.

Như vậy, yêu cầu của người khởi kiện hủy Giấy chứng nhận số CN 930438 do **Sở T** cấp ngày 03/8/2018 cho ông **Mai Văn H**, bà **Nguyễn Thị Hoa H1** và Giấy chứng nhận số CP 925902 do **Sở T** cấp ngày 25/12/2019 cho ông **Mai Văn Q**, bà **Hoàng Thị Mỹ T** là chưa đủ cơ sở.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Mai Thị X** về việc:

- Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn vợ chồng ông **Mai Xanh N** và bà **Nguyễn Thị C1** trả lại thửa đất số: 26, tờ bản đồ số:13, diện tích 559m² cho nguyên đơn,

- Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số AB 975087 do UBND Đăk Pơ cấp ngày 11/05/2005 cho ông **Mai Xanh N**, bà **Nguyễn Thị C1**; số CN 930438 do **Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh G** cấp ngày 3/8/2018 cho ông **Mai Văn H**, bà **Nguyễn Thị Hoa H1**; số CP 925902 do **Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh G** cấp ngày 25/12/2019 cho ông **Mai Văn Q**, bà **Hoàng Thị Mỹ T**.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/5/2025, bà **Mai Thị X** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà **Mai Thị X**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà **Mai Thị X**; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1.1] Theo “*Giấy bán đoạn nhà*” đề ngày 20/10/1968, ông **Mai Thành D**, bà **Võ Thị H2** có nhận chuyển nhượng lại một căn nhà không rõ diện tích của ông **Phạm Mạnh T1**, có giới cận: Đông cận: Tự ích lộ, Tây cận: cách trung –tim nhà ra 40m², giáp ao của ấp C và đất của ông **Nguyễn H3**, Nam cận: cách trung tim nhà ra 40m², Bắc cận: cách trung tim nhà ra 100m². Bà cho rằng cha mẹ bà sau khi nhận chuyển nhượng đã tặng cho bà đối với căn nhà trên tuy nhiên không cung cấp được giấy tờ tặng cho.

[1.2] Sau khi được tặng cho bà đã liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm giấy tờ về đất và đã được chế độ Việt Nam Cộng Hòa cấp chứng thư cấp quyền sở hữu thửa đất số CCSIV, tờ thứ 105, diện tích khoảng 4000m². Sau này được cán bộ địa chính đo đạc lại thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 13, diện tích 559m², địa chỉ tại **thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai**. Tuy nhiên, tại công văn số 724/TNMT ngày 11/12/2024 của **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ** đã xác định “*Nội dung Chứng thư không thể hiện cụ thể vị trí thửa đất số CCSIV, tờ thứ 105. Qua rà soát cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính tại huyện không thể xác định được vị trí thửa đất số 26, tờ bản đồ số 13, diện tích 559m², địa chỉ tại Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thuộc chứng thư cấp quyền sở hữu trên*” và Tại công văn số 739/CNVPĐKĐĐ ngày 03/12/2024 của **Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G chi nhánh huyện Đ** thể hiện “*Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ không có thông tin gì liên quan đến việc thửa đất số CCSIV, tờ thứ 105, diện tích khoảng 400m² nằm trong Chứng thư quyền sử hữu là thửa đất số 26, tờ bản đồ số 13, diện tích 559m², tại địa chỉ Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai*”, do đó, việc bà **X** cho rằng thửa đất bà được chế độ Việt Nam Cộng Hòa cấp chứng thư cấp quyền sở hữu là thửa đất 26, tờ bản đồ số 13 do **UBND huyện Đ** cấp cho ông **Mai Xanh N** và bà **Nguyễn Thị C1** là không có cơ sở chấp nhận. Bên cạnh đó, phần đất tranh chấp phía nam giáp đất của bà **X**, tuy nhiên khi kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà **X** không kê khai phần đất này để được cấp giấy chứng nhận.

[1.3] Bà **X** còn khai trước đây có cho cha ông Ngọc mượn đất sử dụng nhưng ông không thừa nhận, trong khi đó bà **X** không có chứng cứ chứng minh chỉ nói miệng, không có giấy tờ, không ai biết.

[1.4] Mặt khác, ông **Mai Xanh N** và bà **Nguyễn Thị C1** khai nhận nguồn gốc thửa đất là do cha ông là ông **Mai Xuân L** cho sau khi cưới vợ, vợ chồng ông sử dụng ổn định từ 1985 đến năm 2005 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. **UBND huyện Đ** đã khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 975087 ngày 11/5/2005 đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 13 tại **thôn T, xã T, huyện Đ** cho ông **Mai Xanh N** và bà **Nguyễn Thị C1** là đúng theo quy định của pháp luật

[1.5] Năm 2018, ông **Mai Xanh N** và bà **Nguyễn Thị C1** chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho ông **Mai Văn H**, bà **Nguyễn Thị Hoa H1**, ông **Mai Văn Q**,

bà Hoàng Thị Mỹ T, ông Mai Văn H, bà Nguyễn Thị Hoa H1, ông Mai Văn Q, bà Hoàng Thị Mỹ T đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 930438 ngày 3/8/2018 và số CP 925902 ngày 25/12/2019. Việc cấp giấy chứng nhận nêu trên được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.6] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà X kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2] Bà Mai Thị X là người cao tuổi theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nên ông T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bà Mai Thị X và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.
2. Về án phí: Bà Mai Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ, phúc thẩm.
3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường